

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
 ĐƠN VỊ: KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Kế toán tài chính 1		
Mã học phần:	DAC0021	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	232_DAC0021_01		
Hình thức thi:	Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75 phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu: Tất cả</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 - + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Giải thích cách hạch toán các khoản mục tiền, khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, nợ phải trả, kế toán hoạt động thương mại & xác định kết quả kinh doanh dựa trên các khái niệm, nguyên tắc kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.	Trắc nghiệm	20%	Câu 1 Câu 2 Câu 3 Câu 4	0,5 0,5 0,5 0,5	PLO5/PI5.1
CLO2	Trình bày các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính liên quan đến khoản mục tiền, khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, nợ phải trả, kế toán hoạt động thương mại & xác định kết quả kinh doanh.	Trắc nghiệm	10%	Câu 5 Câu 6	0,5 0,5	PLO8/PI8.1
CLO3	Thực hiện công tác kế toán tiền và khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, nợ phải trả, kế toán hoạt động thương mại & xác định kết quả kinh doanh.	Tự luận	60%	1 bài	6,0	PLO5/PI5.1
CLO5	Thể hiện sự tuân thủ quy định chuẩn mực kế toán Việt Nam khi giải quyết các tình huống nêu ra trong học phần.	Trắc nghiệm	10%	Câu 7 Câu 8	0,5 0,5	PLO9/PI9.1

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá

bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đề án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (8 câu x 0,5 điểm)

Random 1 trong 2 câu sau:

Câu 1c@C1-CLO1-L2

Công ty đồng ý nhận vật liệu trừ nợ phải thu khách hàng K, gồm 1.000kg vật liệu có giá thanh toán 10.500.000đ, trong đó thuế GTGT 5%, đã nhập kho đủ để phục vụ sản xuất. Kế toán ghi bút toán nhật ký sau:

A. Nợ TK 152 Nợ TK 133 Có TK 131K	10.000.000 500.000 10.500.000	B. Nợ TK 621 Nợ TK 133 Có TK 131K	10.000.000 500.000 10.500.000
C. Nợ TK 152 Nợ TK 133 Có TK 131K	10.500.000 525.000 11.025.000	D. Nợ TK 621 Nợ TK 133 Có TK 131K	10.500.000 525.000 11.025.000

ANSWER: A

Câu 1d@C1,2-CLO1-L2

Công ty đồng ý nhận vật liệu trừ nợ phải thu khách hàng K, gồm 1.000kg vật liệu có giá thanh toán 10.500.000đ, trong đó thuế GTGT 8%, đã nhập kho đủ để bán. Kế toán ghi bút toán nhật ký sau:

A. Nợ TK 156 Nợ TK 133 Có TK 131K	10.000.000 500.000 10.500.000	B. Nợ TK 641 Nợ TK 133 Có TK 131K	10.000.000 500.000 10.500.000
C. Nợ TK 156 Nợ TK 133	10.500.000 525.000	D. Nợ TK 641 Nợ TK 133	10.500.000 525.000

Có TK 131K	11.025.000	Có TK 131K	11.025.000
------------	------------	------------	------------

ANSWER: A

Random 1 trong 2 câu sau:**Câu 2c@C2-CLO1-L2**

Công ty nhận được hoá đơn điều chỉnh giảm 5% giá trị lô hàng mua ngày 3/5, khoản giảm này được căn trừ vào nợ phải trả người bán. Biết tổng giá thanh toán của lô hàng bị lỗi mua ngày 3/5 là 54.000.000 đ, đã gồm 8% thuế suất thuế GTGT và lô hàng này còn tồn ở kho nguyên liệu. Kế toán ghi:

A. Nợ TK 331 2.700.000 Có TK 152 2.500.000 Có TK 133. 200.000	B. Nợ TK 331 2.916.000 Có TK 152 2.700.000 Có TK 133. 216.000
C. Nợ TK 5213 2.500.000 Nợ TK 3331 . 200.000 Có TK 131. 2.700.000	D. Nợ TK 5213 2.700.000 Nợ TK 3331 . 216.000 Có TK 131. 2.916.000

ANSWER: A

Câu 2d@C2-CLO1-L2

Công ty nhận được hoá đơn điều chỉnh giảm 5% giá trị lô hàng mua ngày 3/5, khoản giảm này được căn trừ vào nợ phải trả người bán. Biết tổng giá thanh toán của lô hàng bị lỗi mua ngày 3/5 là 5.400.000 đ, đã gồm 8% thuế suất thuế GTGT và lô hàng này còn tồn ở kho công cụ dụng cụ. Kế toán ghi:

A. Nợ TK 331 270.000 Có TK 153 250.000 Có TK 133. 20.000	B. Nợ TK 331 291.600 Có TK 152 270.000 Có TK 133. 21.600
C. Nợ TK 5213 250.000 Nợ TK 3331 . 20.000 Có TK 131. 270.000	D. Nợ TK 5213 270.000 Nợ TK 3331 21.600 Có TK 131. 291.600

ANSWER: A

Random 1 trong 2 câu sau:**Câu 3c@C5,2-CLO1-L2**

Công ty xuất kho 100 thùng mì gói, trị giá 4.690.000 đồng, giá bán chưa thuế 130.000đ/thùng, thuế suất GTGT 8%, để thưởng cho nhân viên vào lễ 30/4. Bút toán doanh thu được ghi nhận:

A. Nợ 334 14.040.000 Có TK 511 13.000.000 . Có TK 3331 1.040.000	B. Nợ 334 5.065.200 Có TK 511 4.690.000 . Có TK 3331 375.200
C. Nợ 353 14.040.000 Có TK 511 13.000.000 . Có TK 3331 1.040.000	D. Nợ 353 5.065.200 Có TK 511 4.690.000 . Có TK 3331 375.200

ANSWER: A

Câu 3d@C5,3-CLO1-L2

Công ty xuất kho. 200 thùng mì gói, trị giá 9.380.000 đồng, giá bán chưa thuế 130.000đ/thùng, thuế suất GTGT 8%, để thưởng cho nhân viên vào lễ 1/5. Bút toán doanh thu được ghi nhận:

A. Nợ 334 28.080.000 Có TK 511 26.000.000 . Có TK 3331 2.080.000	B. Nợ 334 10.130.400 Có TK 511 9.380.000 . Có TK 3331 750.400
C. Nợ 353 28.080.000 Có TK 511 26.000.000 . Có TK 3331 2.080.000	D. Nợ 353 10.130.400 Có TK 511 9.380.000 . Có TK 3331 750.400

ANSWER: A

Random 1 trong 2 câu sau:**Câu 4c@C5-CLO1-L2**

Công ty mua trả góp 1 thiết bị sản xuất, giá mua trả ngay chưa thuế 600.000.000đ, lãi trả góp 12 tháng 72.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10% (được khấu trừ). Tài sản mua về chờ lắp đặt chạy thử, kế toán ghi:

A. Nợ TK 2411 600.000.000 Nợ TK 1332 60.000.000 Nợ TK 242. 72.000.000 Có TK 331 732.000.000	B. Nợ TK 211 600.000.000 Nợ TK 1332 60.000.000 Nợ TK 242. 72.000.000 Có TK 331 732.000.000
C. Nợ TK 2411 600.000.000 Nợ TK 1332 67.200.000 Nợ TK 242. 72.000.000 Có TK 331 739.200.000	D. Nợ TK 211 600.000.000 Nợ TK 1332 67.200.000 Nợ TK 242. 72.000.000 Có TK 331 739.200.000

ANSWER: A

Câu 4d@C3-CLO1-L2

Công ty mua trả góp 1 thiết bị sản xuất, giá mua trả ngay chưa thuế 600.000.000đ, lãi trả góp 12 tháng 72.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10% (được khấu trừ). Tài sản mua về lắp đặt chạy thử trong ngày, kế toán ghi:

A. Nợ TK 2111 600.000.000 Nợ TK 1332 60.000.000 Nợ TK 242. 72.000.000 Có TK 331 732.000.000	B. Nợ TK 2411 600.000.000 Nợ TK 1332 60.000.000 Nợ TK 242. 72.000.000 Có TK 331 732.000.000
C. Nợ TK 2411 600.000.000 Nợ TK 1332 67.200.000 Nợ TK 242. 72.000.000 Có TK 331 739.200.000	D. Nợ TK 211 600.000.000 Nợ TK 1332 67.200.000 Nợ TK 242. 72.000.000 Có TK 331 739.200.000

ANSWER: A

Random 1 trong 2 câu sau:**Câu 5c@C5-CLO2-L2**

Trích sổ cái tài khoản 511 và 521 như sau: (Đơn vị tính: 1.000 đồng)

TK 521		TK 511	
(TK131) 57.000	80.000 (511)	(TK3332) 40.000	400.000 (TK131)
(TK112) 23.000		(TK521) 80.000	150.000 (TK112)
		(TK911) 430.000	

Kế toán trình bày các chỉ tiêu trên vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

- A. “Chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”: 510.000; “Chỉ tiêu “Các khoản giảm trừ””: 80.000
- B. “Chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”: 550.000; “Chỉ tiêu “Các khoản giảm trừ””: 80.000
- C. “Chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”: 550.000; “Chỉ tiêu “Các khoản giảm trừ””: 120.000
- D. “Chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”: 430.000

ANSWER: A

Câu 5d@C5-CLO2-L2

Trích sổ cái tài khoản 511 và 521 như sau: (Đơn vị tính: 1.000 đồng)

TK 521		TK 511	
(TK131) 67.000	90.000 (511)	(TK3332) 40.000	400.000 (TK131)
(TK112) 23.000		(TK521) 90.000	150.000 (TK112)
		(TK911) 420.000	

Kế toán trình bày các chỉ tiêu trên vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

- A. “Chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”: 510.000; “Chỉ tiêu “Các khoản giảm trừ””: 90.000
- B. “Chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”: 550.000; “Chỉ tiêu “Các khoản giảm trừ””: 90.000
- C. “Chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”: 550.000; “Chỉ tiêu “Các khoản giảm trừ””: 130.000
- D. “Chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”: 420.000

ANSWER: A

Random 1 trong 2 câu sau:**Câu 6c @C4-CLO2-L2**

Số dư trên sổ chi tiết TK 131 cuối năm N:

- TK 131A – Dư Có: 20.000.000đ;
- TK 131B – Dư Nợ: 35.000.000đ;
- TK 131C – Dư Nợ: 75.000.000

Hỏi chỉ tiêu “Phải thu khách hàng” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/N là bao nhiêu.

- A. 110.000.000

- B. 75.000.000
- C. 20.000.000
- D. 90.000.000

ANSWER: A

Câu 6d @C4-CLO2-L1

Số dư trên sổ chi tiết TK 131 cuối năm N:

- TK 131A – Dư Có: 30.000.000đ;
- TK 131B – Dư Nợ: 55.000.000đ;
- TK 131C – Dư Nợ: 75.000.000

Hỏi chỉ tiêu “Phải thu khách hàng” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/N là bao nhiêu.

- A. 130.000.000
- B. 100.000.000
- C. 30.000.000
- D. 55.000.000

ANSWER: A

Random 1 trong 2 câu sau:

Câu 7c@C3-CLO5-L1

Theo quy định hiện hành, phát biểu nào sau đây **Đúng**?

- A. Trao đổi hàng hoá cùng bản chất không phát sinh doanh thu và chi phí
- B. Trao đổi hàng hoá khác bản chất không phát sinh doanh thu và chi phí
- C. Dùng hàng hoá của công ty để thưởng cho nhân viên không phát sinh doanh thu, chi phí
- D. Chương trình khuyến mãi mua 2 tặng 1 không phát sinh doanh thu và chi phí

ANSWER: A

Câu 7d@C3-CLO5-L1

Theo quy định hiện hành, phát biểu nào sau đây **Sai**?

- A. Trao đổi hàng hoá cùng bản chất có phát sinh doanh thu và chi phí
- B. Trao đổi hàng hoá khác bản chất có phát sinh doanh thu và chi phí
- C. Dùng hàng hoá của công ty để thưởng cho nhân viên có phát sinh doanh thu, chi phí
- D. Chương trình khuyến mãi mua 2 tặng 1 có phát sinh doanh thu và chi phí

ANSWER: A

Câu 8c@C4-CLO5-L1

Khi nhận trước 6 tháng tiền cho thuê văn phòng của khách hàng, kế toán ghi vào TK3387 “Doanh thu chưa thực hiện” là tuân thủ nguyên tắc?

- A. Thận trọng và phù hợp
- B. Thận trọng và cơ sở dồn tích
- C. Thận trọng và trọng yếu
- D. Trọng yếu và phù hợp

ANSWER: A

Câu 8d@C4-CLO5-L1

Lãi bán hàng trả chậm trả góp trong 12 tháng được kế toán ghi vào TK3387 “Doanh thu chưa thực hiện” là tuân thủ nguyên tắc?

- A. Thận trọng và phù hợp

B. Thận trọng và cơ sở dồn tích

C. Thận trọng và trọng yếu

D. Trọng yếu và phù hợp

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (6 câu hỏi – 6,0 điểm)

Trích tài liệu kế toán tại công ty DHL như sau:

➤ **Tài liệu 1** - Các chính sách được áp dụng tại công ty:

- Kỳ kế toán tháng;
- Quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;
- Sử dụng phương pháp nhập trước xuất trước trong việc tính giá xuất kho;
- Kê khai và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ;
- Trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng;

➤ **Tài liệu 2** - Tình hình tài chính vào ngày 01/7/N của công ty: (Đơn vị tính: đồng)

Tài khoản	SDDK	Chi tiết
TK 1531X	12.000.000	6 công cụ X
TK 157A-ĐLTB	200.000.000	1.000 sản phẩm A gửi tại đại lý Thanh Bình, giá bán chưa gồm 8% thuế suất GTGT là 320.000 đồng/sản phẩm
TK2113	360.000.000	Xe ô tô thời gian sử dụng ước tính 6 năm.
TK 2141	180.000.000	Khấu hao lũy kế của thiết bị sản xuất
TK 242B	12.000.000	Dụng cụ B đang dùng tại xưởng loại phân bổ 24 tháng, thời gian còn sử dụng 12 tháng
TK 331W	84.000.000	Phải trả người bán W (giá thanh toán gồm 5% thuế suất GTGT)
Các tài khoản khác có số dư hợp lý, công ty đang trong thời kỳ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp		

➤ **Tài liệu 3** - Trích nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 7/N tại công ty:

(1) Ngày 2, nhận giấy báo Nợ của ngân hàng về việc chuyển khoản thanh toán cho nhà cung cấp W với số tiền là 82.320.000, số tiền còn lại công ty được hưởng chiết khấu thanh toán.

(2) Ngày 6, phân xưởng báo hỏng dụng cụ B, giá trị phế liệu thu hồi nhập kho ước tính 350.000 đồng, giá trị còn lại đưa vào chi phí phân xưởng.

(3) Ngày 16, đại lý Thanh Bình gửi bảng kê hoá đơn bán ra của số hàng đã tiêu thụ là 500 sản phẩm A, kèm hoá đơn hoa hồng có trị giá chưa gồm 8% thuế suất GTGT là 16.000.000 đồng. Cùng ngày công ty nhận giấy báo Có của ngân hàng về số tiền Đại lý nộp cho công ty 155.520.000đ.

(4) Ngày 19, xuất kho 3 công cụ X loại phân bổ 2 tháng đưa vào sử dụng tại bộ phận kinh doanh của công ty.

(5) Ngày 31, Kế toán lập bút toán điều chỉnh, phân bổ chi phí sử dụng công cụ X và trích khấu hao xe ô tô dùng phục vụ quản lý doanh nghiệp.

(6) Ngày 30/4/N, kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp B tháng 7/N.

Yêu cầu: Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại doanh nghiệp B trong tháng 4/N (**6,0 điểm**) (Lưu ý: sinh viên phải trình bày cách tính toán (nếu có), trường hợp sinh viên không trình bày chỉ đạt 50% số điểm yêu cầu).

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		4.0	
Câu 1- L2	Câu 1c. Nợ TK 152 10.000.000 Nợ TK 133 500.000 Có TK 131K 10.500.000 Câu 1d. Nợ TK 156 10.000.000 Nợ TK 133 500.000 Có TK 131K 10.500.000		
Câu 2-L2	Câu 2c. Nợ TK 331 2.700.000 Có TK 152 2.500.000 Có TK 133. 200.000 Câu 2d Nợ TK 331 270.000 Có TK 153 250.000 Có TK 133. 20.000		
Câu 3-L2	Câu 3c Nợ 334 14.040.000 Có TK 511 13.000.000 Có TK 3331. 1.040.000 Câu 3d Nợ 334 28.080.000 Có TK 511 26.000.000 Có TK 3331 2.080.000		
Câu 4-L2	Câu 4c Nợ TK 2411 600.000.000 Nợ TK 1332 60.000.000 Nợ TK 242. 72.000.000 Có TK 331 732.000.000 Câu 4d Nợ TK 2111 600.000.000 Nợ TK 1332 60.000.000 Nợ TK 242. 72.000.000		

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
	Có TK 331 732.000.000		
Câu 5-L2	Câu 5c “Chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”: 510.000; “Chỉ tiêu “Các khoản giảm trừ”: 80.000		
	Câu 5d “Chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”: 510.000; “Chỉ tiêu “Các khoản giảm trừ”: 90.000		
Câu 6-L2	Câu 6c 110.000.000		
	Câu 6d 130.000.000		
Câu 7-L2	Câu 7c Trao đổi hàng hoá cùng bản chất không phát sinh doanh thu và chi phí		
	Câu 7d Trao đổi hàng hoá cùng bản chất có phát sinh doanh thu và chi phí		
Câu 8-L1	Câu 8c Thận trọng và phù hợp		
	Câu 8d Thận trọng và phù hợp		
II. Tự luận		6.0	
(1)	Nợ 331W 84.000.000 Có 515 1.680.000 Có 112 82.320.000	0.5	
(2)	Nợ 6273: 11.650.000 Nợ 152: 350.000 Có 242B: 12.000.000	0.5	
(3)	GVHB Nợ 632: 100.000.000 Có 157A-ĐLTB: 100.000.000 $200.000.000/1.000*500 = 100.000.000$	0.5	
	DTBH Nợ 131ĐLTB: 172.800.000 Có 511: 160.000.000 Có 33311: 12.800.000	0.5	
	CP hoa hồng	0.5	

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
	Nợ 641 16.000.000 Nợ 133: 1.280.000 Có 131ĐLTB: 17.280.000		
	Nhận giấy báo Có: Nợ 112: 155.520000 Có 131ĐLTB: 155.520.000	0.5	
(4)	Nợ 242X: 6.000.000 Có 1531X: 6.000.000 $12.000.000/6 \times 3$	0.5	
(5)	Bút toán điều chỉnh chi phí trả trước Nợ 6413: 3.000.000 Có 242X: 3.000.000 $6.000.000/2 = 3.000.000$	0.5	
	Bút toán điều chỉnh chi phí khấu hao Nợ 6424: 5.000.0000 Có 214: 5.000.0000 $360.000.000/(6 \times 12)$	0.5	
(6)	Kết chuyển doanh thu Nợ 511 160.000.000 Nợ 515 1.680.000 Có 911 161.680.000		
	Kết chuyển chi phí Nợ 911 124.000.000 Có 632 100.000.000 Có 641 19.000.000 Có 642 5.000.000	0.5	
	Kết chuyển lợi nhuận Nợ 911 37.680.000 Có 421 37.680.000	0.5	
	Điểm tổng	10.0	

Người duyệt đề



ThS. Nguyễn Thị Thu Vân

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 Tháng 03 năm 2024

Giảng viên ra đề



ThS. Lê Ngọc Anh

